

Xylanh tiêu chuẩn DNC-40- -

Số bộ phận: 163334

FESTO



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Hành trình	2 mm...2000 mm
Ø pít tông	40 mm
Dựa trên tiêu chuẩn	ISO 15552
Đệm	Các vòng / tấm đệm đàn hồi ở cả hai đầu Đệm khí nén ở cả hai bên điều chỉnh được
Vị trí lắp đặt	bất kỳ
Cấu trúc xây dựng	Pít tông Cần piston Ổng định hình
Phát hiện vị trí	cho các công tắc gần không có

Đặc tính	Giá trị
Các biến thể	với khóa vị trí cuối ở cả hai bên với khóa vị trí cuối ở phía sau với khóa vị trí cuối ở phía trước Tăng công suất chạy Ren ngoài thanh pít-tông kéo dài Ren trong trên thanh piston Ren đặc biệt trên thanh pít tông Ty pít tông với lục giác ngoài Thanh pít tông kéo dài Bộ phận kẹp trên thanh piston Với bảo vệ chống xoắn Bảo vệ chống ăn mòn cao Chống bụi Đồng đều, chuyển động chậm Ít ma sát Ty pít tông liền mạch Ty pít tông rỗng liền mạch Vòng bít chịu nhiệt tối đa 120 °C Phạm vi nhiệt độ -40 đến + 80 °C van đơn ổn định, được gắn ở bên phải, ở trạng thái chưa kích hoạt, cần pít tông lùi về Van đơn, được gắn ở bên phải, ở trạng thái chưa kích hoạt, cần pít tông vươn ra Van hai coil, được gắn ở bên phải, ở trạng thái chưa kích hoạt, pít tông lùi về van đơn ổn định, được gắn ở bên trái, thanh pít tông không được kích hoạt được thu về. van đơn ổn định, được gắn ở bên trái, thanh piston chưa nhấn được kéo ra van lưỡng ổn định, được gắn ở bên trái, thanh pít tông không được kích hoạt được thu về thanh pít-tông một mặt
Bảo vệ chống xoay/dẫn hướng	ty pít tông vuông
Áp suất vận hành	0.02 MPA...1.2 MPA 0.2 bar...12 bar
Nguyên tắc vận hành	tác động kép
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo chỉ thị chống cháy nổ của EU (ATEX)
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo quy định UK EX
Chống cháy nổ	Vùng 1 (ATEX) Vùng 1 (UKEX) Vùng 2 (ATEX) Vùng 21 (ATEX) Vùng 21 (UKEX) Vùng 22 (ATEX)
Danh mục ATEX Khí	II 2G
Danh mục ATEX Bụi	II 2D
Loại chống cháy nổ Khí	Ex h IIC T4 Gb
Loại chống cháy nổ Bụi	Ex h IIIC T120°C Db
Nhiệt độ môi trường xung quanh ngoài	-20°C ≤ Ta ≤ +60°C
Phê duyệt bảo vệ Ex bên ngoài Liên minh Châu Âu	EPL Db (GB) EPL Gb (GB)
Môi chất vận hành	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]
Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển	Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo)
Lớp chống ăn mòn KBK	2 - bị ăn mòn vừa phải 3 - ứng suất ăn mòn mạnh
Tuân thủ LABS	VDMA24364-B1/B2-L VDMA24364 Vùng III
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-40 °C...120 °C
Năng lượng va chạm ở các vị trí cuối	0.2 J
Mô-men xoắn cực đại của thiết bị chống quay	1.1 N m
Lực lý thuyết ở mức 0,6 MPa (6 bar, 87 psi), dòng hồi	633 N
Lực theo lý thuyết tại 0,6 MPa (6 bar, 87 psi), luống	633 N...754 N
Kiểu gắn	với ren trong với phụ kiện

Đặc tính	Giá trị
Cổng nối khí nén	G1/4
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Vật liệu phủ	Nhôm đúc áp lực trắng phủ
Vật liệu vỏ xy lanh	Hợp kim nhôm rèn anốt hóa trượt